

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 309/2020/DS-ST
Ngày: 28/9/2020
V/v: “*Tranh chấp hui, đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa

2. Bà Dương Hiền Huệ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Ngọc Phụng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2020/TLST - DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hui, đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Chị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

2. Bà H, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện P, Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền của chị T, bà H: Chị N, sinh năm 1976

Địa chỉ: 82, thị trấn G, huyện G, Tiền Giang

Bị đơn: Anh Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

Chị L, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện G, Tiền Giang

Người làm chứng: Ông S, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện P, tỉnh Tiền Giang

Chị N, ông S, anh Đ có mặt; chị L vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2020 của chị T và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Từ năm 2015-2017 chị L có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ hụi. Chị L có tham gia 03 dây hụi, mỗi dây hụi một phần, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng. Chị L hốt hụi nhưng không đóng lại tiền hụi chết. Tiền nợ hụi chết chị L còn nợ chị T là 146.000.000 đồng. Khi tham gia chơi hụi thì anh Đ là chồng chị L có biết chị L tham gia hụi và anh Đ cũng có đi đóng tiền hụi cho chị L. Đến ngày 25/10/2017 thì anh Đ có viết bản cam kết trả nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng. Sau đó anh Đ có trả được 2.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa.

Nay chị T yêu cầu chị L và anh Đ liên đới trả số tiền nợ hụi là 144.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 38.777.600 đồng

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2020 của bà H và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Chị Huyền với anh Đ và chị L có quen biết với nhau trước. Do cần tiền làm ăn nên anh Đ và chị L có hỏi vay tiền của chị Huyền nhưng chị Huyền không có tiền cho vay nên chị L và anh Đ có nhờ chị Huyền đứng vay dùm ngân hàng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Huyền để vay vốn của ngân hàng Agribank chi nhánh Tân Phước. Chị Huyền có vay dùm chị L và anh Đ số tiền là 160.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Huyền. Sau khi vay tiền thì anh Đ và chị L nhận số tiền 160.000.000 đồng ngay tại ngân hàng, có ông S chứng kiến làm chứng. Anh Đ là người chở chị Huyền cùng chị L đến ngân hàng nhận tiền. Anh Đ và chị L có làm hợp đồng cho mượn chủ quyền đất để vay vốn ngân hàng cho chị Huyền. Hợp đồng có chị L ký tên. Trong hợp đồng có thỏa thuận anh Đ và chị L đóng tiền lãi cho ngân hàng nhưng từ khi nhận tiền vay cho đến nay thì anh Đ và chị L không đóng tiền lãi và cũng không trả tiền gốc cho ngân hàng, chị Huyền phải trả số tiền vốn lãi cho ngân hàng và đã trả xong.

Nay chị Huyền yêu cầu anh Đ và chị L liên đới trả số tiền nợ là 160.000.000 đồng và tiền lãi là 127.488.000 đồng.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 22 tháng 6 năm 2020, bị đơn anh Đ trình bày:*

Chị L có tham gia chơi hụi của chị T, việc tham gia chơi hụi là riêng của chị L nên cụ thể từng dây hụi như thế nào thì anh không biết rõ. Đến lúc chị L thiếu nợ bỏ đi thì có nhiều chủ hụi đến đòi tiền thì anh mới biết chị L có chơi hụi và nợ tiền hụi của chị T. Anh với chị L và chị T có ra công an xã Hòa Định giải quyết, anh có lập tờ cam kết cho chị T là anh sẽ trả tiền nợ hụi cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và được chị T đồng ý. Tuy nhiên sau đó chị L bỏ đi để nợ lại cho anh thì anh không có khả năng trả nữa. Nay đối với yêu cầu của chị T thì anh đồng ý trả cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho

đến khi hết nợ nhưng yêu cầu chị L phải về cùng trả nợ với anh vì chị L là người tham gia chơi hụi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H: Anh với chị L và bà H là bà con với nhau có biết nhau từ trước. Việc vay tiền giữa chị L với bà H như thế nào thì anh không rõ, anh có chở bà H đến ngân hàng để nhận tiền vay, người vay tiền là bà H nên bà H nhận tiền từ ngân hàng. Sau đó bà H có đưa tiền cho anh giữ và chở bà H về chợ chỗ chị L bán hàng. Anh đưa tiền lại cho chị L rồi chị L chở chị Huyền đi. Còn việc sau đó chị L với bà H thỏa thuận như thế nào thì anh không biết. Sau khi chị L bỏ đi thì anh có trả cho bà H từ 2 - 3 lần, mỗi lần từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Sau đó anh có đưa cho bà H 20.000.000 đồng để đi đóng lãi ngân hàng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì anh đồng ý trả nhưng yêu cầu phân chia số nợ thành 2 phần, anh chỉ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ cho bà H, và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị L vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị T, bà H khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 19 tháng 8 năm 2020, người làm chứng ông S trình bày:*

Việc thỏa thuận nhờ vay tiền và thế chấp ngân hàng giữa anh Đ, chị L với bà H thì ông có biết. Anh Đ và chị L có nhờ bà H đứng tên vay tiền ngân hàng và thế chấp quyền sử dụng đất để có tiền cho lại anh Đ và chị L vay. Nội dung thỏa thuận cụ thể giữa các bên như thế nào thì ông không biết được. Việc vay tiền của bà H do ông làm hồ sơ và gửi ngân hàng do ông là tổ trưởng tổ vay vốn xã Tân Hòa Đông. Đến ngày ngân hàng giải ngân thì có ông và anh Đ và bà H cùng đến ngân hàng để nhận tiền. Bà H nhận tiền từ ngân hàng sau đó đưa lại cho anh Đ giữ, ông có chứng kiến. Sau đó anh Đ chở bà H về.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vụ án vắng mặt chị L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị T yêu cầu chị L, anh Đ trả số tiền hui còn nợ, bà H yêu cầu anh Đ, chị L trả số tiền mà chị L, anh Đ nhờ bà H vay dùm tại ngân hàng nên nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hui và đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T: Căn cứ vào các giấy biên nhận giao tiền hui và “*Bản cam kết*” ngày 25/10/2017 có cơ sở xác định chị L có tham gia chơi hui và nợ tiền hui chết của chị T với số tiền là 146.000.000 đồng. Sau khi lập “*Bản cam kết*” thì anh Đ có trả cho chị T 2.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 144.000.000 đồng. Chứng cứ chị T cung cấp phù hợp với yêu cầu của mình nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị T về việc buộc chị L phải trả cho chị T số tiền 144.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của chị T đối với anh Đ cùng có trách nhiệm với chị L trả tiền cho chị T, căn cứ vào nội dung “*Bản cam kết*” ngày 25/10/2017 thì hành vi cam kết với nội dung “*phần còn lại vợ chồng tôi sẽ đóng tiếp tục đến mãng hui, tôi và vợ tôi cam kết ... nếu vợ chồng tôi làm sai xin chịu trách nhiệm*” của anh Đ là hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 275 Bộ luật Dân sự nên anh Đ cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hui cho chị T. Tuy nhiên, giữa chị L và anh Đ không có sự thỏa thuận rõ ràng để thực hiện nghĩa vụ theo phần hay toàn bộ nên buộc anh Đ có nghĩa vụ liên đới với chị L thanh toán nợ cho chị T là phù hợp với Điều 288 Bộ luật Dân sự.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi của chị T, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự thì do phí bị đơn chậm thanh toán nên kể từ ngày 25/10/2017 thì bị đơn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được tính tại thời điểm xét xử là $144.000.000 \times 0,83\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 41.832.000$ đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H: Căn cứ vào “*Hợp đồng cho mượn giấy chủ quyền đất để vay vốn ngân hàng*”, lời khai của đương sự và của người làm chứng có cơ sở xác định chị L có nhờ bà H vay dùm số tiền 160.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất của bà H cho ngân hàng. Chị L đã nhận tiền của bà H. Đối với anh Đ tuy không có ký tên vào hợp đồng nhưng anh Đ là người chở bà H đến ngân hàng, sau khi bà H được ngân hàng giải ngân thì giao toàn bộ số tiền trên cho anh Đ sau đó anh Đ giao trực tiếp cho chị L, hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông S. Có cơ sở xác định chị L và anh Đ có nhờ bà H vay của ngân hàng số tiền 160.000.000 đồng.

Do chị L và anh Đ không trả tiền theo kỳ hạn trong hợp đồng tín dụng nên bà H đã trả cho ngân hàng. Do đó chị L và anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 160.000.000 đồng.

[2.5] Xét yêu cầu tính lãi của bà H: Căn cứ vào “*Hợp đồng cho mượn giấy chủ quyền đất để vay vốn ngân hàng*” thì chị L và anh Đ phải đóng tiền lãi cho ngân hàng. Căn cứ vào 04 chứng từ giao dịch do bà H cung cấp thì bà H đã trả tổng số tiền lãi cho hợp đồng tín dụng 6908-LAV-201702389 là 30.356.379 đồng nên chị L và anh Đ phải trả lại số tiền lãi này cho bà H.

Ngoài ra, bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 14/3/2019 đến thời điểm xét xử là 18 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, số tiền là 23.904.000 đồng. Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự thì: “*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”. Do đó, bà H yêu cầu chị L, anh Đ trả tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 166, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc chị L và anh Đ liên đới trả cho chị T số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) tiền vốn và 41.832.000 đồng (Bốn mươi một triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 185.832.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc chị L và anh Đ liên đới trả cho bà H số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền vốn và 54.260.379 đồng (Năm mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn ba trăm bảy mươi

chín đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 214.260.379 đồng (Hai trăm mười bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng).

3. Về án phí:

Chị L và anh Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 20.004.618 đồng.

Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.619.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3848 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Bà H được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí do là người cao tuổi.

4. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T, bà H cho đến khi thi hành án xong, chị L và anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vĩnh Lộc